

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

*- Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Đồng Tịnh và ông Nguyễn Văn Đích.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lã Phú Huy - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hồ Minh H**, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 83 (31 cũ), Quang Cư, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm 1980; nơi cư trú cuối cùng: Tổ 83 (31 cũ), Quang Cư, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần thứ 02.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24/6/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồ Minh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị Kim C xây dựng gia đình với nhau vào năm 1999 nhưng đến 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 83 (31 cũ), Quang Cư, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống và tính tình không hợp nên bà C đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ đó đến nay không ai biết tin tức về bà C. Tôi đã báo cáo với Công an phường, đồng thời cùng gia đình tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả, do đó tôi đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà C mất tích.

Ngày 14/10/2020, tại quyết định số: 12/2020/QĐST-DS của Tòa án nhân dân quận S đã quyết định tuyên bố bà Trần Thị Kim C mất tích. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của tôi đối với bà C không còn, do đó tôi xin được ly hôn với vợ tôi là bà Trần Thị Kim C.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và bà C có 02 con chung tên Nguyễn Trần Trúc G, sinh ngày 30/7/1999 và Nguyễn Trần Phi L, sinh ngày 16/8/2003. Các con đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và bà C không có.

*\* Bị đơn bà Trần Thị Kim C được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bà C nhưng không có tin tức gì của bà C nên không có lời khai của bà C trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục

quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng. Riêng đối với bị đơn bà C đã bị tuyên bố mất tích nên không đặt vấn đề chấp hành pháp luật tố tụng của bà C.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông H và bà C đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho ông H được ly hôn bà C;

Về con chung: Không đề cập đến.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa ông Nguyễn Hồ Minh H và bà Trần Thị Kim C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Trần Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Ông Nguyễn Hồ Minh H và bà Trần Thị Kim C xây dựng gia đình với nhau vào năm 1999 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau, đến tháng 9 năm 2016 thì bà C đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ đó đến nay không ai biết tin tức về bà C. Ông H

đã báo cáo với Công an phường, đồng thời cùng gia đình tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả, do đó ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà C mất tích. Ngày 14/10/2020, tại quyết định số: 12/2020/QĐST-DS của Tòa án nhân dân quận S đã quyết định tuyên bố bà Trần Thị Kim C mất tích kể từ ngày quyết định phát sinh hiệu lực pháp luật. Từ đó đến nay ông H vẫn không có tin tức gì của bà C và không thấy bà C trở về.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà C. HĐXX xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Còn bà C đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

Về con chung: Ông H xác định giữa ông và bà C có 02 con chung tên Nguyễn Trần Trúc G, sinh ngày 30/7/1999 và Nguyễn Trần Phi L, sinh ngày 16/8/2003. Các con đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24/6/2022, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết giao ngôi nhà tại: Tổ 83 (31 cũ), Quang Cư, phường T, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cho ông tiếp tục quản lý. Tuy nhiên, ngày 10/8/2022, ông H có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, HĐXX không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định giữa ông và bà C không có nên không đề cập.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình; Nghị quyết 366/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn*" của ông Nguyễn Hồ Minh H đối với bà Trần Thị Kim C.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hồ Minh H được ly hôn bà Trần Thị Kim C.

**2.** Về con chung: Ông H xác định giữa ông và bà C có 02 con chung Nguyễn Trần Trúc G, sinh ngày 30/7/1999 và Nguyễn Trần Phi L, sinh ngày 16/8/2003. Các con đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập giải quyết.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

**4.** Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng ông H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 3489 ngày 27/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng trước khi bà C bị tuyên bố mất tích.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự, người pH thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện KSND quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Đông Thanh**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

